

Công ty Cổ phần Licogi 166

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 34

Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty (Mã: LCS) đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội kể từ ngày 6 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Dương Hùng	Thành viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hường	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Công Hưng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 166

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

Số tham chiếu: 60992763/18490123/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 26 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		163.273.542.872	141.644.255.646
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	4.933.841.367	6.272.871.270
111	1. Tiền		4.933.841.367	1.444.871.270
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.828.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		950.000.000	950.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	950.000.000	950.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		103.334.063.329	116.148.711.967
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	56.621.625.344	78.014.338.308
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	35.254.991.318	27.543.669.169
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	11.928.124.880	11.061.382.703
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(470.678.213)	(470.678.213)
140	IV. Hàng tồn kho	9	50.504.708.548	17.631.857.505
141	1. Hàng tồn kho		50.504.708.548	17.631.857.505
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.550.929.628	640.814.904
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	375.992.545	640.814.904
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.174.937.083	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		74.368.649.428	64.799.625.422
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		447.407.263	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	447.407.263	-
220	II. Tài sản cố định		54.363.235.190	37.050.303.116
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	52.556.584.565	37.050.303.116
222	Nguyên giá		99.304.354.119	83.343.838.653
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(46.747.769.554)	(46.293.535.537)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	1.806.650.625	-
225	Nguyên giá		1.852.975.000	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(46.324.375)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.035.213.000	7.463.102.362
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.035.213.000	7.463.102.362
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	18.250.098.595	19.972.396.383
251	1. Đầu tư vào công ty con		20.000.000.000	20.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.749.901.405)	(27.603.617)
260	V. Tài sản dài hạn khác		272.695.380	313.823.561
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	272.695.380	313.823.561
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		237.642.192.300	206.443.881.068

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		173.595.728.565	142.735.539.063
310	I. Nợ ngắn hạn		166.861.032.928	140.889.117.320
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	30.908.266.139	4.776.858.417
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	55.440.179.399	62.459.558.217
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	233.302.584	1.286.915.598
314	4. Phải trả người lao động		1.719.505.304	2.523.065.669
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	842.100.650	2.416.213.138
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	7.075.987.989	7.402.143.594
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	63.918.903.012	53.121.511.200
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	6.327.606.538	6.347.970.174
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	395.181.313	554.881.313
330	II. Nợ dài hạn		6.734.695.637	1.846.421.743
337	1. Phải trả dài hạn khác		147.671.743	147.671.743
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	6.587.023.894	1.698.750.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		64.046.463.735	63.708.342.005
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	64.046.463.735	63.708.342.005
411	1. Vốn cổ phần đã góp		76.000.000.000	76.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		76.000.000.000	76.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	7.616.480.409
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.990.880.189	9.163.236.123
421	4. Lỗ lũy kế		(17.944.416.454)	(29.071.374.527)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(18.282.538.184)	(30.050.325.102)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		338.121.730	978.950.575
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		237.642.192.300	206.443.881.068



Đào Lan Tuyết
Người lập



Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng



Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	63.291.203.014	29.108.825.741
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	63.291.203.014	29.108.825.741
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(55.272.260.493)	(23.151.435.983)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.018.942.521	5.957.389.758
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.714.164.503	190.455.348
22	7. Chi phí tài chính	25	(5.159.977.655)	(2.015.852.343)
23	Trong đó: chi phí lãi vay	25	(3.437.679.867)	(2.015.852.343)
24	8. Chi phí bán hàng		-	(48.039.076)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(4.235.007.639)	(3.870.414.759)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		338.121.730	213.538.928
50	11. Tổng lợi nhuận trước thuế		338.121.730	213.538.928
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		338.121.730	213.538.928



Đào Lan Tuyết
Người lập



Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng




Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		71.536.431.574	61.523.111.884
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(61.469.237.714)	(50.389.978.377)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(6.948.376.088)	(4.644.172.364)
04	Tiền chi trả lãi vay		(3.435.130.671)	(2.035.051.509)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.600.950	4.440.159.612
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.908.873.856)	(4.565.965.577)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(5.208.585.805)	4.328.103.669
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.667.017.500)	(95.700.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		61.559.435	11.499.432
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(9.605.458.065)	(84.200.568)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		50.246.301.215	36.214.630.566
34	Tiền trả nợ gốc vay		(36.010.073.733)	(42.957.052.181)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(761.213.515)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		13.475.013.967	(6.742.421.615)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.339.029.903)	(2.498.518.514)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.272.871.270	2.627.951.289
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ		4.933.841.367	129.432.775


Đào Lan Tuyết
Người lập


Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng


Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận sửa đổi sau đó, với thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty (Mã: LCS) đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội kể từ ngày 6 tháng 7 năm 2010 theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội ký ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là đầu tư xây dựng và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp và dân dụng; cho thuê thiết bị xây lắp kỹ thuật; khai thác và kinh doanh đá xây dựng; và các hoạt động khác như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 81 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 78 người).

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166. Công ty con này được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001932226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015. Công ty con này có trụ sở chính tại mỏ đá Cúp Đụn, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty con này là khai thác đá, cát, sỏi và đất sét. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong Công ty con này.

2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, lỗ lũy kế của Công ty là 17.944.416.454 VND và tổng nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là 166.861.032.928 VND đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 3.587.490.056 VND. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc thu được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và/hoặc thu xếp nguồn tài chính phục vụ cho việc trả nợ.

Ban Giám đốc của Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như cân đối nguồn trả nợ dựa trên kế hoạch kinh doanh để đảm bảo tiếp tục hoạt động trong năm tiếp theo mà không có bất cứ sự gián đoạn nào. Trên cơ sở này, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

3.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 26 tháng 8 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

4.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính, do chắc chắn bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc, thiết bị 10 năm

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 năm

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng ở mức 3% trên tổng giá trị công trình xây lắp hoàn thành và bàn giao.

4.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

4.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Ngoài ra, quỹ này cũng có thể dùng để bù lỗ lũy kế theo phê duyệt của đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ). Thặng dư vốn cổ phần có thể được sử dụng để tăng vốn, mua cổ phiếu quỹ hoặc bù lỗ lũy kế theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

4.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó, chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó. Các chi phí bắt buộc phải trả theo điều khoản của hợp đồng phản ánh chi phí thấp nhất nếu từ bỏ hợp đồng. Mức chi phí đó sẽ thấp hơn mức chi phí để thực hiện hợp đồng, kể cả các khoản bồi thường hoặc đền bù phát sinh do việc không thực hiện được hợp đồng.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng.

4.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải nộp và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	113.823.627	129.907.658
Tiền gửi ngân hàng	4.820.017.740	1.314.963.612
Các khoản tương đương tiền	-	4.828.000.000
TỔNG CỘNG	<u>4.933.841.367</u>	<u>6.272.871.270</u>

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ thuê tài chính	1.449.438.222	-

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với kỳ hạn 1 năm từ ngày 14 tháng 9 năm 2015 đến ngày 14 tháng 9 năm 2016 và hưởng lãi suất 6%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu ngắn hạn từ các bên khác	4.652.360.650	6.508.169.141
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	51.969.264.694	71.506.169.167
TỔNG CỘNG	<u>56.621.625.344</u>	<u>78.014.338.308</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(470.678.213)	(470.678.213)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Trả trước cho người bán		
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hải Thanh	3.592.775.000	3.592.775.000
- Công ty TNHH Sao Thổ Hà Tĩnh	7.052.132.884	8.452.132.884
- Công ty TNHH Trường Thịnh Phát	10.045.328.135	3.183.424.874
- Các khoản trả trước khác	4.932.051.601	4.431.727.250
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	9.632.703.698	7.883.609.161
TỔNG CỘNG	<u>35.254.991.318</u>	<u>27.543.669.169</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	10.903.743.802	-	10.147.586.083	-
Phải thu khác	1.024.381.078	-	913.796.620	-
TỔNG CỘNG	11.928.124.880	-	11.061.382.703	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	447.407.263	-	-	-
TỔNG CỘNG	447.407.263	-	-	-

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.714.786.279	-	1.085.492.571	-
Công cụ, dụng cụ	121.627.319	-	125.245.319	-
Công trình xây lắp dở dang (*)	42.668.294.950	-	16.421.119.615	-
TỔNG CỘNG	50.504.708.548	-	17.631.857.505	-

(*) Công trình xây lắp dở dang tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm chi phí xây lắp chưa được nghiệm thu của các công trình sau:

Đơn vị tính: VND

Công trình	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bê tông đĩnh đập – Bản Chát	3.871.872.319	3.871.872.319
Quốc lộ 1A – Quảng Trị	6.352.740.080	7.824.333.639
Hạ Long – Vân Đồn	5.949.613.165	2.201.259.323
Kè bảo vệ Sông Hậu	9.634.842.597	2.443.550.208
Trung tâm thông tin miền Trung – Đà Nẵng	80.104.121	80.104.126
BOT 38	16.774.510.401	-
Gamuda Land	4.612.267	-
TỔNG CỘNG	42.668.294.950	16.421.119.615

Công ty Cổ phần Licogi 166

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.554.256.647	63.785.682.582	10.613.454.044	390.445.380	83.343.838.653
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	1.966.254.454	4.510.178.908	-	6.476.433.362
- Mua mới trong kỳ	-	11.017.692.070	820.036.364	-	11.837.728.434
- Xóa sổ	-	(2.012.100.950)	-	(341.545.380)	(2.353.646.330)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	8.554.256.647	74.757.528.156	15.943.669.316	48.900.000	99.304.354.119
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	24.511.668.489	9.363.690.409	-	33.875.358.898
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.500.815.928	34.322.591.133	10.096.485.381	373.643.095	46.293.535.537
- Khấu hao trong kỳ	107.201.139	2.193.119.755	502.669.454	4.889.999	2.807.880.347
- Xóa sổ	-	(2.012.100.950)	-	(341.545.380)	(2.353.646.330)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.608.017.067	34.503.609.938	10.599.154.835	36.987.714	46.747.769.554
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.053.440.719	29.463.091.449	516.968.663	16.802.285	37.050.303.116
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	6.946.239.580	40.253.918.218	5.344.514.481	11.912.286	52.556.584.565

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 33.171.066.032 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 34.346.422.276 VND) được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Máy móc thiết bị

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-
Tăng trong kỳ	<u>1.852.975.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.852.975.000</u>

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-
Khấu hao trong kỳ	<u>46.324.375</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>46.324.375</u>

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>-</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.806.650.625</u>

Công ty thuê máy đào bánh xích theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease ngày 28 tháng 1 năm 2016. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 19.3.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
Máy móc thiết bị thi công chờ kiểm định	-	<u>6.427.889.362</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.035.213.000</u>	<u>7.463.102.362</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

<i>Tên công ty</i>	<u><i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i></u>		<u><i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i></u>	
	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế và biểu quyết (%)</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế và biểu quyết (%)</i>
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(1.749.901.405)</u>		<u>(27.603.617)</u>	
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>18.250.098.595</u>		<u>19.972.396.383</u>	

Xem chi tiết thông tin về công ty con của Công ty tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa máy móc	33.677.500	148.356.333
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	158.432.211	387.483.002
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	42.200.000	62.800.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	141.682.834	42.175.569
TỔNG CỘNG	375.992.545	640.814.904
Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	174.500.000	233.300.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	72.693.935	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.501.445	80.523.561
TỔNG CỘNG	272.695.380	313.823.561

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho các bên khác				
- Công ty TNHH Sakai Heavy Industries	3.130.813.069	3.130.813.069	-	-
- Công ty Cổ phần Jitta	7.304.982.000	7.304.982.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Vật tư Sơn Hà	6.503.590.650	6.503.590.650	155.263.550	155.263.550
- Công ty Cổ phần Khai thác Đá Hưng Thịnh	-	-	1.416.208.880	1.416.208.880
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Thành	202.215.117	202.215.117	662.215.117	662.215.117
- Phải trả cho người bán khác	13.766.665.303	13.766.665.303	2.075.945.732	2.075.945.732
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	-	467.225.138	467.225.138
TỔNG CỘNG	30.908.266.139	30.908.266.139	4.776.858.417	4.776.858.417

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần BOT Biên Cương (*)	54.488.753.154	62.166.635.400
Đối tượng khác	951.426.245	292.922.817
TỔNG CỘNG	55.440.179.399	62.459.558.217

(*) Đây là khoản Công ty Cổ phần BOT Biên Cương trả trước cho Công ty theo hợp đồng ký kết giữa hai bên cho công trình Hạ Long-Vân Đồn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.054.509.472	-	1.054.509.472	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.1)	65.739.762	-	-	65.739.762
Thuế thu nhập cá nhân	165.584.474	100.720.251	99.823.793	166.480.932
Các loại thuế khác	1.081.890	-	-	1.081.890
TỔNG CỘNG	1.286.915.598	100.720.251	1.154.333.265	233.302.584

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay trích trước	92.100.650	89.551.454
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê-tông	750.000.000	2.326.661.684
TỔNG CỘNG	842.100.650	2.416.213.138

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ký cược, ký quỹ	473.000.000	473.000.000
Bảo hiểm xã hội, y tế	447.227.625	157.885.010
Kinh phí công đoàn	359.385.686	363.231.038
Cổ tức phải trả	39.070.600	39.070.600
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	19.874.520	304.591.035
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	588.473.587	1.412.501.007
Các khoản phải trả, phải nộp khác	922.532.267	892.666.338
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.226.423.704	3.759.198.566
TỔNG CỘNG	7.075.987.989	7.402.143.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	49.460.261.200	49.460.261.200	44.289.301.215	34.119.448.733	59.630.113.682	59.630.113.682	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.661.250.000	3.661.250.000	1.974.625.000	1.890.625.000	3.745.250.000	3.745.250.000	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	1.304.752.845	761.213.515	543.539.330	543.539.330	
	53.121.511.200	53.121.511.200	47.568.679.060	36.771.287.248	63.918.903.012	63.918.903.012	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	1.698.750.000	1.698.750.000	5.957.000.000	1.974.625.000	5.681.125.000	5.681.125.000	
Nợ thuế tài chính	-	-	2.210.651.739	1.304.752.845	905.898.894	905.898.894	
	1.698.750.000	1.698.750.000	8.167.651.739	3.279.377.845	6.587.023.894	6.587.023.894	
TỔNG CỘNG	54.820.261.200	54.820.261.200	55.736.330.799	40.050.665.093	70.505.926.906	70.505.926.906	

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Đơn vị tính: VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	59.630.113.682				
TỔNG CỘNG	59.630.113.682				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	372.000.000	Đáo hạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 1 năm 2019	Lãi suất 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ hạn 13 tháng bằng VND + biên độ 2,95%/ năm	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.420.000.000	Đáo hạn từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017	11%-12%	Máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	7.634.375.000	Đáo hạn từ quý III năm 2016 đến quý IV năm 2019	10,5%	Máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	9.426.375.000			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.745.250.000</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>5.681.125.000</i>			

19.3 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy đào bánh xích theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease ngày 28 tháng 1 năm 2016. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>			
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	651.567.773	108.028.443	543.539.330	-	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1-5 năm	977.238.433	71.339.539	905.898.894	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.628.806.206	179.367.982	1.449.438.224	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Thay đổi khoản dự phòng bảo hành công trình được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	6.347.970.174	6.914.970.174
- Sử dụng trong kỳ	(20.363.636)	-
Số cuối kỳ	<u>6.327.606.538</u>	<u>6.914.970.174</u>

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được xác định theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Số dư dự phòng chủ yếu liên quan đến Công trình Thủy điện Bản Chát, được trích ở mức 3% trên tổng doanh thu từ công trình này (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	554.881.313	1.159.329.313
Chi trong kỳ	(159.700.000)	(604.448.000)
Số cuối kỳ	<u>395.181.313</u>	<u>554.881.313</u>

Công ty Cổ phần Licogi 166

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Số đầu kỳ	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(30.050.325.102)	62.729.391.430
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	213.538.928	213.538.928
Số cuối kỳ	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.836.786.174)	62.942.930.358
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Số đầu kỳ	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ (*)	-	(7.616.480.409)	(3.172.355.934)	10.788.836.343	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	338.121.730	338.121.730
Số cuối kỳ	76.000.000.000	-	5.990.880.189	(17.944.416.454)	64.046.463.735

(*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm 2015 của Công ty ngày 14 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phê duyệt việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần và một phần quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	7.616.480.409	7.616.480.409
TỔNG CỘNG	76.000.000.000	76.000.000.000	83.616.480.409	83.616.480.409

22.3 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã phát hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND).

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng doanh thu	63.291.203.014	29.108.825.741
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	8.316.942.121	5.295.338.141
Doanh thu cho thuê máy móc	1.717.171.859	1.551.722.544
Doanh thu hợp đồng xây dựng	53.257.089.034	22.261.765.056
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	63.291.203.014	29.108.825.741
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	26.435.853.521	188.553.947
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	36.855.349.493	28.920.271.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	53.257.089.034	22.261.765.056
TỔNG CỘNG	<u>53.257.089.034</u>	<u>22.261.765.056</u>
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện được ghi nhận đến ngày 30 tháng 6	205.522.122.213	34.786.445.072

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi	107.476.102	190.455.348
Lãi bán hàng trả chậm	1.606.688.401	-
TỔNG CỘNG	<u>1.714.164.503</u>	<u>190.455.348</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.275.797.376	5.218.655.129
Giá vốn của dịch vụ cho thuê máy	1.717.171.859	1.160.756.590
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	45.279.291.258	16.772.024.264
TỔNG CỘNG	<u>55.272.260.493</u>	<u>23.151.435.983</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.722.297.788	-
Lãi tiền vay	3.437.679.867	2.015.852.343
TỔNG CỘNG	<u>5.159.977.655</u>	<u>2.015.852.343</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	2.769.652.570	2.317.541.652
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.465.355.069	1.552.873.107
TỔNG CỘNG	<u>4.235.007.639</u>	<u>3.870.414.759</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.114.843.520	16.547.054.175
Chi phí nhân công	8.182.771.525	5.326.361.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.854.204.722	3.724.904.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.414.249.327	9.563.438.491
Chi phí khác	2.188.374.373	1.773.934.203
TỔNG CỘNG	<u>85.754.443.467</u>	<u>36.935.693.082</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	338.121.730	213.538.928
<i>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán</i>		
Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	-	102.000.000
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế và chưa cán trừ lỗ năm trước	338.121.730	315.538.928
Lỗ năm trước chuyển sang	338.121.730	(315.538.928)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	65.739.762	65.739.762
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 16)	65.739.762	65.739.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 36.180.393.844 VND (31 tháng 12 năm 2015: 36.518.515.574 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2019	37.701.466.149	1.521.072.305	-	36.180.393.844
TỔNG CỘNG		37.701.466.149	1.521.072.305	-	36.180.393.844

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các khoản lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 nêu trên do không thể xác định được chắc chắn lợi nhuận trong tương lai.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong các giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu bán đá và cho thuê thiết bị	69.491.143	6.658.506.738
		Doanh thu xây lắp	34.570.265.372	22.261.765.056
		Lãi bán hàng trả chậm	1.606.688.401	-
		Mua tài sản cố định	4.874.342.072	-
		Chi phí thuê máy, thuê thiết bị	990.684.260	-
		Chi phí thí nghiệm công trình	640.028.405	-
Công ty Cổ Phần Licogi 10	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	-	428.662.550
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Công ty con	Ứng trước mua nguyên vật liệu	2.517.474.431	-
		Mua đá	768.379.894	-
		Doanh thu cung cấp nhiên liệu và cho thuê máy	2.215.592.978	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ một phần khoản phải thu Công ty Cổ phần Licogi 16 liên quan đến công trình Bán Chất có lãi suất 4,5%/năm) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty với số tiền là 52.066.122 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 52.066.122 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Doanh thu xây lắp	49.679.291.542	71.431.788.993
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Công ty con	Doanh thu cung cấp nhiên liệu và cho thuê máy	2.215.592.978	-
Công ty Cổ phần Licogi 13 – Xây dựng và Kỹ thuật Công trình	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	74.380.174	74.380.174
			51.969.264.694	71.506.169.167
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 7.2)				
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Công ty con	Ứng trước mua nguyên vật liệu	9.632.703.698	7.883.609.161
			9.632.703.698	7.883.609.161
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu và thiết bị	-	467.225.138
			-	467.225.138
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 18)				
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu và thiết bị	467.225.138	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	Cùng tập đoàn	Phải trả về hợp đồng xây dựng	59.198.566	59.198.566
Công ty Cổ phần Licogi 16	Cổ đông chính	Ứng trước cho Công ty để thuê văn phòng	3.700.000.000	3.700.000.000
			4.226.423.704	3.759.198.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thưởng	565.778.938	636.313.002
TỔNG CỘNG	565.778.938	636.313.002



30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Đào Lan Tuyết
Người lập

Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng

Vũ Công Hùng
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 8 năm 2016